TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2022
V/v: Ly hôn giữa anh Tr và chị X

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Ông Tô Tuấn Dũng – kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST- HNGĐ ngày 01/8/2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 26, ấp SC, xã PT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang - *Đề nghị giải quyết vắng mặt*

Bị đơn: Chị Phan Thị X, sinh năm 1988 – *Đề nghị giải quyết vắng mặt*

Địa chỉ: thôn TV, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, nguyên đơn là anh Phạm Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị X tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 20/4/2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình, sau khi kết hôn anh, chị chung sống ở xã TQ. Do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên mâu thuẫn. Chung sống cùng chị X đến năm 2011 thì anh, chị ly thân. Từ khi ly thân anh và chị Xánh mỗi người một nơi, anh về cư trú tại ấp SC, xã PT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang, chị X ở tại xã TQ, huyện TT, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay

cả anh và chị X đều đã có cuộc sống riêng không thể đoàn tu được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị X.

Về con chung: Anh và chị X có một con chung là Nguyễn Thu Ng, sinh ngày 02/02/2009 hiện cháu đang ở cùng chị X ở xã TQ. Anh đề nghị giải quết chị Xánh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị X không yêu cầu anh cấp dưỡng. Ngoài con Nguyễn Thu Ng, anh và chị X không có con chung nào khác. Ngày 30/12/2016 chị X có sinh 01 con riêng là cháu Nguyễn Minh Nh, anh đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Minh Nh là con riêng của chị X anh không có nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với con riêng của chị X.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị X không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, ý kiến tại phiên hòa giải bị đơn là chị Phan Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988; quê quán và địa chỉ hiện nay ở tại ấp SC, xã PT, thành phố RG tỉnh Kiên Giang quen biết nhau trong quá trình hai bên đi làm ăn tại tỉnh Kiên Giang. Anh, chị tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/4/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã TQ. Từ năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng hai bên ly thân từ năm 2011. Từ khi ly thân hai bên cắt đứt mọi quan hệ. Nay anh Tr có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị nhất trí ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có một con chung là Nguyễn Thu Ng, sinh ngày 02/02/2009. Hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh Tr không có con chung nào khác. Chị đề nghị trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thu Ng không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng. Trong thời gian ly thân với anh Tr, ngày 30/12/2016 chị sinh cháu Nguyễn Minh Nh (tên dự kiến vì chưa khai sinh) giới tính: Nam; Giấy chứng sinh số 97, quyển số 45; Ngày cấp 04/01/2017; Nơi cấp: Bệnh viện đa khoa Sài Gòn – Nam Định. Chị sinh cháu Nguyễn Minh Nh trong thời gian đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với anh Tr. Chị đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Minh Nh là con riêng của chị, chị không yêu cầu anh Tr có trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Chị đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định xác định ADN và chịu toàn bộ lệ phí trưng cầu giám định để xác định cháu Nguyễn Minh Nh là con riêng của chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Tr không có tài sản chung, không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản kết luận giám định số 315/22/TC-AND ngày 14/7/2022 của Viện pháp y quốc gia kết luận: Anh Nguyễn Văn Tr không có quan hệ huyết thống bố - con với

cháu bé có tên dự kiến Nguyễn Minh Nh; Chị Phan Thị X có quan hệ huyết thống mẹ - con với cháu bé có tên dự kiến là Nguyễn Minh Nh

Do anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, không hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho anh Tr ly hôn chị X; Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xác định anh Tr và chị X có một con chung là Nguyễn Thu Ng, sinh ngày 02/02/2009. Giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thu Ng đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị X không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr có quyền thăm nom con chung. Anh Tr và chị X có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân*: Anh Tr và chị X tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/4/2009 theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2011 nên anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Tr và chị X đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều đề nghị giải quyết ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Tr ly hôn chị X.

[2.2]. *Về con chung*:

[2.2.1] Anh Tr và chị X có một con chung là Nguyễn Thu Ng, sinh ngày 02/02/2009 hiện cháu đang ở cùng chị X ở xã TQ, cháu Nguyễn Thu Ng có nguyện vọng ở cùng mẹ. Chị X và anh Tr cùng có đề nghị chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thu Ng. Xét thấy đề nghị của anh, chị là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao cho chị Phan Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thu Ng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chấp nhận việc chị X không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[2.2.2] Trong thời kỳ hôn nhân với anh Nguyễn Văn Tr, ngày 30/12/2016, chị X sinh cháu Nguyễn Minh Nh (tên giả định), giới tính: Nam, ngày sinh 30/12/2016; Giấy chứng sinh số 97, quyển số 45; Ngày cấp 04/01/2017; Nơi cấp: Bệnh viện đa khoa Sài Gòn – Nam Định. Anh Tr và chị X đều đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Minh Nh là con riêng của chị X. Theo kết luận giám định 315/22/TC-ADN ngày 14/7/2022 của Viện pháp y quốc gia kết luận: Anh Nguyễn Văn Tr không có quan hệ huyết thống bố - con với cháu bé có tên dự kiến Nguyễn Minh Nh; Chị Phan Thị X có quan hệ huyết thống mẹ - con với cháu bé có tên dự kiến là Nguyễn Minh Nh nên đề nghị của anh Tr và chị X là có căn cứ, phù hợp với Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình nên xác định cháu Nguyễn Minh Nh (tên giả định) giới tính: Nam, ngày sinh 30/12/2016; Giấy chứng sinh số 97, quyển số 45; Ngày cấp 04/01/2017; Nơi cấp: Bệnh viện đa khoa Sài Gòn – Nam Định không phải là con chung của chị Phan Thị X và anh Nguyễn Văn Tr, cháu là con riêng của chị Phạn Thị X. Chị Phan Thị X có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Nh.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung:* Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3].*Về án phí, chi phí giám định*: Áp dụng Điều 147; Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Anh Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị X phải chịu chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 161 bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 88 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Tr ly hôn chị Phan Thị X;

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Phan Thị X có một con chung là Nguyễn Thu Ng, sinh ngày 02/02/2009. Giao cho chị Phan Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thu Ng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc X không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi có yêu cầu. Cháu Nguyễn Minh Nh (tên giả định) giới tính: Nam, ngày sinh 30/12/2016; Giấy chứng sinh số 97, quyển số 45; Ngày cấp 04/01/2017; Nơi cấp: Bệnh viện đa khoa Sài Gòn – Nam Định là con riêng của chị Phạn Thị X. Chị X có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Nh.

3. Về phân chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí, chi phí giám định: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004233 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, anh Trường đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Phan Thị X phải chịu 11.460.000 đồng chi phí giám định ADN (đã trưng cầu giám định, chị X đã nộp đủ chi phí giám định)

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Phan Thị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TQ (nơi ĐKKT);
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan